

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Tái cơ cấu vận tải biển phù hợp với tinh thần Hiến pháp 2013; Bộ luật Hàng hải Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; phù hợp với Chiến lược biển Việt Nam, định hướng tái cơ cấu ngành giao thông vận tải và chiến lược phát triển dịch vụ vận tải đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Tái cơ cấu vận tải biển phải phù hợp với chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tinh thần Nghị quyết của Đảng; chủ trương cải cách thủ tục hành chính của Chính phủ, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lành mạnh, bền vững, ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải đường bộ, góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông, củng cố an ninh quốc phòng và thúc đẩy hội nhập quốc tế.

- Phát huy tối đa lợi thế về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của đất nước, phát triển vận tải biển đồng bộ, hài hòa với các phương thức vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, đường hàng không; ứng dụng công nghệ vận tải tiên tiến, hiện đại; chú trọng phát triển vận tải đa phương thức, dịch vụ logistics để tạo nên một hệ thống vận tải đồng bộ, liên hoàn và hiệu quả.

- Phát triển vận tải biển theo hướng hiện đại với chất lượng ngày càng cao, chi phí hợp lý, an toàn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng; tăng sức cạnh tranh để chủ động hội nhập và mở rộng thị trường vận tải biển trong khu vực và thế giới.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

- Phát triển thị trường vận tải có cơ cấu hợp lý và phát triển bền vững, tăng thị phần vận tải đường biển và đường thủy nội địa, đường sắt, đặc biệt trên các hành lang vận tải chính;

- Nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm chi phí vận tải và đảm bảo an toàn, an ninh và môi trường;

- Phát triển vận tải đa phương thức, logistics và kết nối hiệu quả các phương thức vận tải với vận tải đường biển.

b) Mục tiêu cụ thể

- Phát triển đội tàu biển Việt Nam theo hướng hiện đại, hiệu quả; chú trọng phát triển các loại tàu chuyên dụng có trọng tải lớn. Đến năm 2015, tổng trọng tải đội tàu đạt khoảng từ 4,7 đến 5,2 triệu DWT và khoảng từ 6,8 đến 7,5 triệu DWT vào năm 2020;

- Tái cơ cấu vận tải biển theo hướng chủ yếu đảm nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu, tuyến quốc tế, các tuyến ven biển, nhất là vận tải Bắc -

Nam, vận tải than nhập khẩu phục vụ các nhà máy nhiệt điện, vận chuyển dầu thô phục vụ các nhà máy lọc dầu, ga, khí hóa lỏng, xi măng...;

- Nâng cao thị phần vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu lên 25 - 30%. Phát triển tuyến vận tải hành khách ven biển, hải đảo. Đến năm 2020, thị phần vận tải hàng hóa là 21,25%, vận tải hành khách là 0,07% so với khối lượng vận tải toàn ngành giao thông vận tải;

- Phát triển thị trường vận tải biển bảo đảm khả năng hỗ trợ cho vận tải đường bộ, đường sắt và đường hàng không; nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm chi phí vận tải, đáp ứng kịp thời, đầy đủ nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, phấn đấu đến năm 2020 giảm 15-20% chi phí hiện tại;

- Phát triển đồng bộ dịch vụ hỗ trợ vận tải, vận tải đa phương thức, đặc biệt nâng cao chất lượng dịch vụ logistics;

- Tăng cường vai trò quản lý nhà nước, đổi mới thể chế chính sách tạo khung pháp lý minh bạch, thông thoáng, cải cách thủ tục hành chính theo hướng tạo điều kiện, tháo gỡ các khó khăn, rào cản, tạo động lực khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển đội tàu biển.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đổi mới thể chế chính sách và đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu phát triển ngành và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế

a) Đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

- Tiếp tục hoàn thiện Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2005 và trình Quốc hội thông qua trong năm 2015;

- Lập kế hoạch, tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn Bộ luật, thực hiện trong giai đoạn đến năm 2020 (Chi tiết tại Phụ lục I);

- Tăng cường công tác tập huấn, tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật cho tổ chức, cá nhân liên quan;

- Chú trọng công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, đào tạo bảo đảm đủ về số lượng và chất lượng đối với người làm công tác pháp chế chuyên ngành hàng hải, vận tải biển.

b) Nâng cao chất lượng, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quy hoạch, chính sách, chiến lược phát triển

- Rà soát, điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch phát triển ngành hàng hải, vận tải biển đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, bảo đảm đáp ứng mục tiêu của Chiến lược biển Việt Nam và yêu cầu tái cơ cấu;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện chiến lược, quy hoạch đảm bảo tính công khai minh bạch và nâng cao tính khả thi của quy hoạch;

- Tổ chức các lớp tập huấn về lập, quản lý, giám sát thực hiện quy hoạch cảng và các lớp đào tạo chuyên môn về quy hoạch, đặc biệt chú trọng đến công tác dự báo để nâng cao chất lượng quy hoạch cảng biển;

- Xây dựng, ban hành định mức đơn giá cho công tác lập quy hoạch cảng biển phù hợp với thực tế và đặc thù từng chuyên ngành, đảm bảo khuyến khích được đội ngũ chuyên gia có kiến thức tham gia xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế xã hội và các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, tạo những đột phá trong tư duy quy hoạch;

- Tăng cường hơn nữa việc phối hợp giữa các bộ ngành, địa phương trong việc lập và quản lý hiệu quả quy hoạch cảng biển, đặc biệt việc hoạch định các Khu kinh tế, Khu công nghiệp cần tập trung và gắn liền với cảng biển nhằm giảm chi phí vận tải đến cảng;

- Nghiên cứu tổng thể giải pháp vận tải thích hợp đến các cảng biển, trên cơ sở siết chặt việc thực hiện nghiêm quy định tải trọng chuyên chở của xe ô tô, nhằm thiết lập lại sơ đồ vận tải, giảm chi phí và giảm áp lực vận tải trên hệ thống đường bộ.

c) Thực hiện cải cách thủ tục hành chính

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải, vận tải biển thông qua các biện pháp sau:

- Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; thống nhất nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính, bao gồm việc giảm thời gian; giảm, bãi bỏ hoặc thay thế các loại giấy tờ phải nộp trong hồ sơ; gộp, bãi bỏ các thủ tục hành chính;

- Triển khai sử dụng chữ ký số cho lãnh đạo cơ quan Cục và các đơn vị trực thuộc trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến;

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện phần mềm dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 4 đối với 15 thủ tục về nhóm cấp chứng chỉ thuyền viên;

- Tiếp tục làm việc với các cơ quan liên quan để sớm hoàn thiện Quy chế vận hành Cổng thông tin điện tử quốc gia, thúc đẩy việc sớm đưa Cổng thông tin điện tử quốc gia vào sử dụng và kết nối với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại khu vực, bảo đảm thực hiện "một cửa điện tử" trong giải quyết thủ tục cho tàu thuyền tại cảng biển;

- Định kỳ hàng quý tổ chức đối thoại với các doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt và tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp hoạt động hiệu quả.

2. Phát triển vận tải biển và dịch vụ hàng hải; tăng cường kết nối, nâng cao hiệu quả và phát triển hài hòa các phương thức vận tải, phát triển vận tải đa phương thức và logistics

a) Giải pháp về vận tải biển và dịch vụ hàng hải

- Xây dựng kế hoạch, chính sách phát triển đội tàu biển Việt Nam theo hướng hiện đại, chú trọng phát triển các loại tàu chuyên dùng (tàu công-te-nơ, hàng lỏng...) và tàu trọng tải lớn. Đến năm 2020, tổng trọng tải đội tàu là 6,8 - 7,5 triệu DWT, trong đó tàu chở hàng khô là 4,34 - 4,79 triệu DWT, tàu chở hàng lỏng là 1,44 - 1,58 triệu DWT, tàu chở container là 1,02 - 1,13 triệu DWT. Từng bước trẻ hoá đội tàu biển Việt Nam đến năm 2020 đạt độ tuổi bình quân 12 năm;

- Tiếp tục triển khai Nghị định số 30/2014/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh vận tải biển tạo điều kiện và nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải;

- Xây dựng, ban hành chính sách hỗ trợ nhằm nâng dần thị phần vận chuyển hàng xuất nhập khẩu bằng đường biển của đội tàu biển Việt Nam; hỗ trợ đầu tư ban đầu, cho vay tín dụng ưu đãi trong mua hoặc đóng mới tàu biển chuyên dùng trọng tải lớn, hiện đại; chính sách về thuế trong mua bán tàu biển;

- Tổng kết, đánh giá hoạt động của tuyến vận tải ven biển nhằm nâng cao hiệu quả tàu, an toàn đối với các tàu biển và phương tiện thủy dưới công ước (non-convention ships) theo đúng các quy định, thông lệ quốc tế bảo đảm kết nối tuyến vận tải ven biển giữa các nước ASEAN; Nghiên cứu, khảo sát mở các tuyến vận tải ro-ro Bắc Nam bằng tàu biển;

- Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức và quản lý các dịch vụ hỗ trợ kết nối các phương thức nhằm xây dựng và quản lý hoạt động của các sân giao dịch vận tải hàng hóa và các hoạt động tích hợp, bán vé liên thông giữa các phương thức vận tải hàng hóa, hành khách. ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành và khai thác đội tàu;

- Bổ sung các tiêu chí bảo đảm điều kiện kết nối các phương thức vận tải trong các bộ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch, thiết kế, xây dựng và khai thác các công trình đầu mối vận tải hành khách và hàng hóa;

- Điều chỉnh quy hoạch kết nối các công trình kết cấu hạ tầng đầu mối nhằm tăng cường hiệu quả kết nối giữa các phương thức vận tải; Nâng cấp kết cấu hạ tầng đường bộ kết nối và hiện đại hóa bảo đảm năng lực xếp dỡ công-ten-nơ tại các nhà ga, đảm bảo kết nối giữa các cảng biển và tuyến đường sắt quốc gia dọc hành lang; hiện đại hóa hệ thống xếp dỡ hàng hóa, bảo đảm năng lực xếp dỡ công-ten-nơ tại các ga đường sắt chính.

b) Giải pháp phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ logistics

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án Phát triển dịch vụ logistics trong lĩnh vực giao thông vận tải Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Tăng cường vai trò quản lý nhà nước, đổi mới thể chế chính sách, xây dựng khung pháp lý minh bạch, cải cách thủ tục hành chính theo hướng tạo điều kiện, tháo gỡ khó khăn, rào cản để khuyến khích hình thành và phát triển các đơn vị vận tải đa phương thức, logistics có quy mô lớn để giảm tỷ lệ đảm nhận của vận tải đường bộ trên các tuyến đường dài đối với các loại hàng hóa không yêu cầu thời gian vận chuyển nhanh;

- Hoàn thiện các quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của dịch vụ logistics; các cơ chế, chính sách tài chính bao gồm cả cơ chế, chính sách về thuế, nguồn vốn, lãi suất... khuyến khích đầu tư và quản lý có hiệu quả trung tâm phân phối hàng hóa để hỗ trợ phát triển dịch vụ logistics;

- Tổ chức đào tạo bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao, có trình độ chuyên môn sâu về logistics, có khả năng quản lý điều hành mang tính toàn cầu;

- Triển khai hệ thống EDI và hệ thống giao dịch điện tử tại cảng biển; cải cách hành chính và minh bạch trong các dịch vụ công.

3. Giải pháp về quản lý khai thác kết cấu hạ tầng cảng biển

- Đầu tư trang thiết bị bốc xếp và phương thức quản lý hiện đại nhằm nâng cao năng suất xếp, dỡ hàng tại cảng biển;

- Tổ chức thực hiện bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải nhằm bảo đảm chất lượng công trình, khắc phục kịp thời các hư hỏng, sự cố tiềm ẩn nguy cơ gây mất an toàn cho hoạt động hàng hải;

- Thực hiện các giải pháp bảo đảm chống ùn tắc hàng hóa tại cảng biển;

- Xây dựng phương án phân kỳ tiến độ đầu tư xây dựng các cầu, bến cảng mới theo quy hoạch được duyệt; tổ chức giám sát bảo đảm thực hiện đúng kế hoạch;

- Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế, kỹ thuật trong các lĩnh vực khảo sát, thiết kế, thi công, nghiệm thu, bảo trì luồng hàng hải và các công trình hàng hải; khuyến khích áp dụng công nghệ mới, vật liệu mới;

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện và áp dụng mô hình cơ quan quản lý cảng trên cơ sở kết hợp giữa mô hình quản lý cảng của các nước tiên tiến trên thế giới và điều kiện thực tế của Việt Nam.

4. Giải pháp về tái cơ cấu, nâng cao năng lực công nghiệp tàu thủy

- Ưu tiên sắp xếp lại các nhà máy đóng và sửa chữa tàu phù hợp với các đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy và các doanh nghiệp khác hoạt động trong lĩnh vực tàu thủy;

- Nghiên cứu, lựa chọn đối tác chiến lược cho ngành công nghiệp tàu thủy, đồng thời thúc đẩy các doanh nghiệp tham gia vào chuỗi giá trị các tập đoàn đa quốc gia;

- Xây dựng cơ chế, chính sách về vốn, thuế phục vụ nhu cầu phát triển công nghiệp tàu thủy theo quy hoạch; cơ chế, chính sách tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ đóng tàu và sửa chữa tàu trong nước;

- Áp dụng chính sách như đối với kho ngoại quan đối với việc nhập khẩu vật tư, thiết bị của các nhà máy đóng tàu xuất khẩu;

- Đẩy mạnh xã hội hóa việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng công nghiệp tàu thủy.

5. Khuyến khích, thu hút đầu tư ngoài ngân sách

- Đẩy mạnh việc thực hiện Đề án huy động vốn xã hội hoá để đầu tư kết cấu hạ tầng trong lĩnh vực hàng hải;

- Tạo cơ chế, chính sách thuận lợi nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư phát triển đội tàu vận tải biển phù hợp với quy hoạch.

6. Tái cơ cấu và cổ phần hoá các doanh nghiệp

Đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu và cổ phần hoá các doanh nghiệp, trong đó quyết liệt triển khai thực hiện đối với Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (VINALINES) và Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy (SBIC):

- Tiếp tục thực hiện việc tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ bảo đảm cơ cấu hợp lý, tập trung vào 03 lĩnh vực chính là vận tải biển, khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải.

- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy theo Quyết định số 1224/QĐ-TTg ngày 26/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tiếp tục tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam.

7. Giải pháp về cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp và giảm chi phí

- Kiến nghị có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam được mua nhiều liệu với mức giá ưu đãi tại nhà máy lọc dầu Dung Quất.

- Kiến nghị giảm thuế đối với hàng hoá là vật tư, thiết bị tàu biển phục vụ cho việc sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển; đối với hoạt động vận tải nội địa của tàu mang cờ quốc tịch Việt Nam áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng là 5% trong vòng 3 (ba) năm; Đối với nguồn thu từ vận tải hàng hóa trên tuyến vận tải biển, được giảm 15% thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 10 năm; Đối với dự án đầu tư tàu biển tham gia vận tải xuất nhập khẩu hàng hoá, doanh nghiệp được hỗ trợ vay vốn lưu động với lãi suất ưu đãi từ Ngân hàng phát triển Việt Nam.

- Dự thảo Thông tư thay thế Quyết định số 98/2008/QĐ-BTC ban hành phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải và Thông tư 41/2012/TT-BTC hướng dẫn mức thu phí hàng hải đối với tàu có trọng tải lớn cập cảng Cái Mép - Thị Vải để khuyến khích tàu ra vào hoạt động tại khu vực Cái Mép - Thị Vải và giảm chi phí cảng phí cho tàu ra vào khu vực này.

- Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng giao thông kết nối đồng bộ, tạo ra sự kết hợp tốt giữa các phương thức vận tải, góp phần giảm bớt chi phí về vận tải (tập trung vào 3 khu vực cảng cửa ngõ trọng điểm: Lạch Huyện, Tiên Sa, Cái Mép - Thị Vải).

- Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị kỹ thuật xếp dỡ, nâng cao năng lực xếp dỡ để giảm thời gian xếp dỡ, tiết kiệm chi phí lưu kho bãi và chi phí cảng phí.

- Đầu tư xây dựng hệ thống cảng mở để giảm bớt các chi phí về thủ tục hải quan, thuế xuất nhập khẩu; Xây dựng trung tâm logistics tại các khu vực trọng điểm, ban hành chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư các trung tâm logistics cho các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có các dự án tại khu kinh tế trọng điểm.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động logistics, đặc biệt tận dụng ưu thế vượt trội của thương mại điện tử cho dịch vụ vận tải, dịch vụ logistics quy mô toàn cầu nhằm tạo thuận lợi trong hoạt động cung cấp dịch vụ.

- Ban hành các chính sách nhằm triển khai áp dụng thực hiện thủ tục điện tử tại cảng biển nhằm cải cách hành chính và minh bạch trong dịch vụ công, tiết kiệm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp vận tải.

8. Nhóm giải pháp về bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường

a) Giải pháp bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải

- Tiếp tục triển khai nội dung các đề án, quy hoạch về an toàn, an ninh hàng hải đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt, cụ thể:

- + Đề án Đưa đội tàu biển Việt Nam ra khỏi Danh sách đen của Tokyo MOU vào cuối năm 2014, được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại Quyết định số 1133/QĐ-BGTVT ngày 02/5/2013;

- + Đề án Nâng cao năng lực bảo đảm an ninh hàng hải được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại Quyết định số 857/QĐ-BGTVT ngày 26/3/2014;

- + Đề án Đổi mới và nâng cao năng lực công tác phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải của các lực lượng ngành Giao thông vận tải tại Việt Nam, được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại Quyết định số 2030/QĐ-BGTVT ngày 30/5/2014;

- Lập Dự án xây dựng và xuất bản hải đồ vùng nước cảng biển và luồng hàng hải;

- Triển khai thực hiện Quy hoạch các khu neo đậu tránh, trú bão cho tàu biển đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại Quyết định số 2494/QĐ-BGTVT ngày 30/6/2014;

- Nghiên cứu, đề xuất biện pháp hoàn thiện, nâng cấp kết cấu hạ tầng tại các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo và giữa các đảo;

- Xây dựng, hiện đại hóa hệ thống điều hành giao thông tàu thuyền (VTS);

- Tiếp tục đầu tư các đèn biển trên các hải đảo có ý nghĩa về an ninh quốc phòng tại quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa... nhằm khẳng định chủ quyền, quyền chủ quyền của Việt Nam trên biển, đảo;

- Nghiên cứu, đổi mới mô hình tổ chức của công tác bảo đảm an toàn hàng hải, hoa tiêu hàng hải để nâng cao tính hiệu quả, an toàn, đủ tầm quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế và thể hiện vai trò của một quốc gia có biển.

b) Giải pháp bảo vệ môi trường

- Giai đoạn 2015 - 2016: tập trung rà soát, đề xuất sửa đổi bổ sung và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực hàng hải; từng bước hoàn thiện cơ chế chính sách, chuẩn bị cơ sở vật chất, kiện toàn lại cơ cấu tổ chức tham mưu giúp việc mang tính độc lập và chuyên sâu trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ và lĩnh vực môi trường để thực hiện quản lý bảo vệ môi trường và phát triển bền vững hoạt động hàng hải;

- Giai đoạn 2016 - 2020: định hướng cân đối đầu tư, hợp lý, nghiên cứu lồng ghép các giải pháp thích ứng và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu tới ngành hàng hải nhằm phát triển bền vững kết cấu hạ tầng hàng hải; tiếp tục đẩy mạnh kiểm soát ô nhiễm, ứng dụng, áp dụng khoa học - công nghệ gắn với bảo vệ môi trường; tăng cường giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả trong hoạt động hàng hải.

9. Giải pháp tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hàng hải, vận tải biển

a) Giải pháp ứng dụng khoa học - công nghệ

- Đổi mới đồng bộ cơ chế khoa học - công nghệ từ khâu đề xuất, tuyển chọn, đánh giá nghiệm thu cơ sở các nhiệm vụ khoa học - công nghệ theo tiêu chí công khai, minh bạch, khách quan, đúng thực chất; Nâng cao trách nhiệm của tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong việc chuyển giao, áp dụng kết quả nghiên cứu vào thực tế;

- Nghiên cứu, ứng dụng hiệu quả cơ chế tài chính về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cơ chế khoán kinh phí thực hiện đề tài, dự án và đơn giản hóa thủ tục thanh toán, quyết toán kinh phí khoa học - công nghệ;

- Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ trong thiết kế, xây dựng, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải, góp phần đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng và hạ giá thành công trình; bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng;

- Đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ; chủ động tích cực xây dựng chương trình, kế hoạch hợp tác về khoa học - công nghệ với một số nước, tổ chức quốc tế. Thường xuyên tổng kết công tác ứng dụng công nghệ trên cơ sở tiếp thu công nghệ mới, hiện đại từ các dự án ODA.

b) Giải pháp tăng cường hợp tác quốc tế

- Tiếp tục tham gia sâu, rộng, thường xuyên và thể hiện vai trò tích cực của Việt Nam tại các hội nghị, diễn đàn hàng hải của các tổ chức quốc tế liên quan tại khu vực và trên thế giới như: IMO, IALA, APEC, ASEAN, Tokyo MOU... nhằm nâng cao tiếng nói và vị thế của Việt Nam trong cộng đồng hàng hải quốc tế, góp phần giải quyết các vướng mắc của ngành;

- Triển khai thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; Tổ chức thực hiện chương trình đánh giá các công ước bắt buộc của IMO (IMSAS);

- Xây dựng danh mục chi tiết các dự án kêu gọi nguồn vốn vay ưu đãi và các nguồn vốn vay đầu tư nước ngoài khác để triển khai các dự án phát triển cơ sở hạ tầng cảng biển đã được Chính phủ phê duyệt.

10. Nhóm giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, thu hút và phát triển nguồn nhân lực hàng hải

a) Nâng cao chất lượng đào tạo, huấn luyện đội ngũ thuyền viên

Thường xuyên rà soát và sửa đổi, bổ sung các chương trình đào tạo thuyền viên theo đúng yêu cầu của Công ước STCW 78/95 sửa đổi 2010 và các Chương trình mẫu của IMO (IMO Model course).

b) Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức

- Nâng cao chất lượng, tầm nhìn của công tác quy hoạch cán bộ và thực hiện định kỳ luân chuyển công chức, viên chức thuộc diện phải luân chuyển công khai, minh bạch và tạo điều kiện cho công tác quy hoạch, phát triển nguồn cán bộ lãnh đạo;

- Nghiên cứu xây dựng chính sách đãi ngộ thiết thực, hợp lý nhằm động viên, khuyến khích công chức, viên chức, người lao động và thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao ngoài Ngành.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Vụ trực thuộc Bộ, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục quản lý chuyên ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp triển khai các nhiệm vụ của Đề án nhằm đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu vận tải biển đến năm 2020.

2. Vụ Vận tải

a) Vụ Vận tải chủ trì kiểm tra, theo dõi và đôn đốc quá trình thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Đề án; tổng hợp, báo cáo và đề xuất với Lãnh đạo Bộ giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc và phát sinh trong quá trình thực hiện Đề án.

b) Tham mưu trình lãnh đạo Bộ đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Đề án Logistics trong lĩnh vực giao thông vận tải đến năm 2020.

3. Vụ Kế hoạch - Đầu tư chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính, Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư lập kế hoạch huy động nguồn vốn xã hội hoá và bố trí nguồn vốn trong kế hoạch hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án. Ưu tiên đầu tư các công trình kết nối giữa cảng biển với các phương thức vận tải.

4. Cục Hàng hải Việt Nam

a) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án hàng năm; trong đó đảm bảo về thời gian:

- Kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Đề án năm thứ nhất: xây dựng và phê duyệt sau 30 ngày tính từ ngày Đề án được phê duyệt;

- Kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Đề án hàng năm (từ năm thứ hai trở đi): xây dựng và phê duyệt trước ngày 15/12 của năm trước để thực hiện năm tiếp theo.

b) Tổ chức thực hiện Đề án, giám sát quá trình thực hiện và định kỳ hàng quý báo cáo Bộ Giao thông vận tải (qua Vụ Vận tải); tổng hợp, đánh giá việc triển khai thực hiện Đề án và chủ động nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách cần sửa đổi, bổ sung trong quá trình triển khai thực hiện.

c) Tiếp tục tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, văn bản pháp luật đã được phê duyệt, ban hành.

d) Định kỳ hàng quý tổ chức đối thoại doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.

5. Vụ Tài chính

Kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan đến phí, lệ phí, cơ chế về tài chính trong việc hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp, tái cơ cấu đội tàu.

6. Vụ Quản lý doanh nghiệp

Tham mưu giúp Bộ trưởng đôn đốc Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy và Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đẩy nhanh tiến độ thực hiện tái cơ cấu theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

7. Tổng công ty Hàng hải Việt Nam

Thực hiện tái cơ cấu theo Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm đúng tiến độ, kế hoạch.

8. Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy

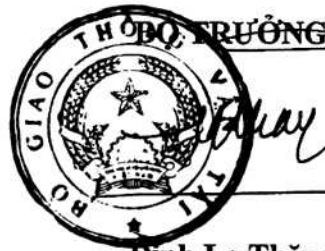
Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu theo Quyết định số 1224/QĐ-TTg ngày 26/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm đúng tiến độ, kế hoạch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Công TTĐT Bộ GTVT, Báo GT;
- Lưu: VT, V.Tài (Lg10).



Đinh La Thăng

Phụ lục I
KẾ HOẠCH RÀ SOÁT, SỬA ĐỔI
CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1481 /QĐ-BGTVT ngày 27/4/2015
của Bộ trưởng Bộ GTVT phê duyệt Đề án Tái cơ cấu vận tải biển
đến năm 2020)*

TT	Tên văn bản	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan chủ trì trình	Thời gian thực hiện
1	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2005	Cục HHVN	Vụ Pháp chế	2015
2	Nghị định thay thế Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21/3/2012 và Nghị định số 146/2013/NĐ-CP ngày 30/10/2013 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải và công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam	Cục HHVN	Vụ KCHTGT	2015 - 2016
3	Nghị định thay thế Nghị định số 161/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển	Cục HHVN	Vụ Vận tải	2015 - 2016
4	Nghị định thay thế Nghị định số 30/2014/NĐ-CP ngày 14/4/2014 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hỗ trợ vận tải biển	Cục HHVN	Vụ Vận tải	2015 - 2016

Phụ lục II
DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN THỰC HIỆN
GIẢI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1481/QĐ-BGTVT ngày 27/4/2015
của Bộ trưởng Bộ GTVT phê duyệt Đề án Tái cơ cấu vận tải biển
đến năm 2020)

TT	Tên văn bản	Cơ quan soạn thảo	Cơ quan chủ trì trình	Thời gian thực hiện
1	Đề án nghiên cứu, đánh giá hiện trạng, đề xuất quy hoạch và triển khai xây dựng các công trình tiếp nhận và xử lý chất thải từ tàu đáp ứng yêu cầu của công ước MARPOL 73/78 và quy định của pháp luật liên quan	Cục HHVN	Vụ KHCN	2015
2	Tiếp tục thực hiện Đề án huy động vốn xã hội hoá để đầu tư kết cấu hạ tầng trong lĩnh vực hàng hải	Cục HHVN	Ban PPP	2015-2020
3	Tiếp tục thực hiện Đề án nâng cao năng lực, thị phần vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam	Cục HHVN	Vụ Vận tải	2015-2020
4	Đề án Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động thanh tra chuyên ngành hàng hải	Cục HHVN	Thanh tra Bộ	2015
5	Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Cục Hàng hải Việt Nam	Cục HHVN	Vụ TCCB	2015
6	Đề án thành lập cơ quan quản lý cảng	Cục HHVN	Vụ HTQT	2015
7	Đề án nghiên cứu cơ chế tài chính cho Cục Hàng hải Việt Nam và các đơn vị trực thuộc trên cơ sở nguồn thu từ phí cảng vụ	Cục HHVN	Vụ Tài chính	2016 - 2017

8	Đề án rà soát, cập nhật điều chỉnh quy hoạch chi tiết các nhóm cảng biển 1; 2; 3; 4; 6 đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Cục HHVN	Vụ KHĐT	2015 - 2016
9	Đề án đầu tư kết nối các cảng biển trên toàn quốc với hệ thống đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	Cục HHVN	Vụ KCHT	2015 - 2016
10	Đề án nghiên cứu hình thành quỹ phát triển kết cấu hạ tầng hàng hải	Cục HHVN	Vụ KCHT	2017 - 2018
11	Đề án nghiên cứu, đổi mới mô hình tổ chức của công tác bảo đảm an toàn hàng hải, hoa tiêu hàng hải	Cục HHVN	Vụ ATGT	2016 - 2017
12	Đề án đổi mới cơ cấu tổ chức Cục Hàng hải Việt Nam	Cục HHVN	Vụ TCCB	2017 - 2018
13	Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu về cảng biển phục vụ quản lý khai thác cảng biển và hướng dẫn cho tàu thuyền vào, rời, hoạt động tại cảng biển	Cục HHVN	Vụ KCHT	2015 - 2016
14	Nghiên cứu xây dựng sân giao dịch vận tải hàng hóa đường biển	Cục HHVN	Vụ Vận tải	2015
15	Kiến nghị toàn Ban Thư ký IMO Việt Nam	Vụ HTQT	Vụ TCCB, Vụ VT, Cục HHVN	2015